TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2024/HS-ST
Ngày 27-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Sang và ông Nguyễn Đức Thắng

- *Thư ký phiên toà:* Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 142/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Duy Q, sinh ngày 23/11/1990 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Số nhà A, đường C, tổ dân phố H, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Duy Q1, sinh năm 1962 và bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1959; Bị cáo có vợ là Bùi Thị H, sinh năm 1994 và 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 75/2012/HSST ngày 11/12/2012 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2013, chấp hành xong án phí ngày 15/01/2013); Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

2. Tạ Duy A, sinh ngày 27/02/1990 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Số nhà D, tổ dân phố số I, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Tạ Đình T, sinh năm 1963 và bà Đặng Thị D, sinh năm 1966; Tiền án: 02 - Bản án số 77/2016/HSST ngày 09/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 02 năm 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản; án phí hình sự 200.000 đồng, án phí dân sự 537.000 đồng, bồi thường dân sự 17.400.000 đồng (bị cáo đã nộp 200.000 đồng án phí ngày 17/10/2016; ngày 30/8/2022 Chi cục THADS huyện T đình chỉ, miễn nộp 537.000 đồng án phí dân sự, chưa nộp tiền bồi thường dân sự 17.400.000 đồng); Bản án số 25/2016/HSST ngày 18/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư xử phạt 01 năm tù về Tội trộm cắp tài sản; án phí hình sự 200.000 đồng, truy thu sung công Nhà nước

1.250.000 đồng (bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự ngày 04/8/2016; ngày 20/10/2021 Chi cục THADS huyện T đình chỉ, miễn nộp khoản sung công Nhà nước 1.250.000 đồng). Quyết định tổng hợp hình phạt số 07/2016/QĐ-CA ngày 13/7/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đối với 02 bản án trên, buộc bị cáo chấp hành 03 năm 06 tháng tù (chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/5/2019);

Tiền sự: Không; Nhân thân: Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 4707 ngày 07/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T thời hạn 12 tháng (chấp hành xong ngày 02/11/2012); Bản án số 105/2021/HSST ngày 23/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 01 năm 03 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản; án phí hình sự 200.000 đồng, án phí dân sự 300.000 đồng (chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/11/2022, nộp án phí hình sự, án phí dân sự ngày 09/8/2024); Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/7/2024, đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. *(Bị cáo được trích xuất có mặt)*

* *Bị hại*: Anh Lê Văn N, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. *(Vắng mặt)*

* *Người làm chứng*: Ông Tạ Đình T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số nhà D, tổ dân phố số I, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 22/8/2019, Nguyễn Duy Q và Tạ Duy A, rủ nhau đi trộm cắp tài sản để bán, lấy tiền chi tiêu cá nhân. Duy A đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, sơn màu trắng (xe của Q, hiện đã bán cho người khác nên không nhớ biển kiểm soát) chở Q đi từ thị trấn D đến xã T để tìm nhà nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đến trường Mầm non xã T (lúc này đang thi công sửa chữa), Q và A nhìn thấy trong lán xe của trường có để xe mô tô. Quan sát thấy không có người trông coi (lúc này ông Lê Văn K là bảo vệ của trường về nhà ăn cơm trưa), Duy A dừng xe, tắt máy, đứng ngoài cảnh giới. Q đi bộ vào trong lán để xe, đến dong chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, sơn màu vàng - đen, biển kiểm soát 17B6-152.43 của anh Lê Văn N (là thợ xây, đang làm ở trường) đi ra ngoài đường. Do không có chìa khóa xe, Duy A ngồi điều khiển xe đang đi, dùng chân đẩy vào vị trí để chân phía sau của xe mô tô Honda A1 do Q điều khiển để cả hai cùng di chuyển. Cả hai di chuyển 02 xe mô tô đến quán sửa chữa xe mô tô tại xã H, huyện T. Q dong xe mô tô Honda AirBlade vào quán, nói bị mất chìa khóa xe và nhờ thợ sửa chữa tháo ốp nhựa phần đầu xe, rút dây tiếp điện nguồn với ổ khóa xe để khởi động, nổ máy. Khi nổ máy, khởi động được xe mô tô Honda AirBlade, Q trả công 50.000 đồng rồi cùng Duy A đi 02 xe mô tô đến nhà bạn của Q ở khu vực trung tâm thành phố Hải Phòng (Q không nhớ tên, địa chỉ cụ thể của người bạn này do là bạn bè xã hội). Q gửi xe mô tô Honda AirBlade ở đây rồi cả hai đi xe mô tô Honda Wave RSX về nhà. Sáng ngày 24/8/2019, Q đi xe ô tô khách đến Hải Phòng, đến nhà bạn lấy xe mô tô Honda AirBlade rồi mang đi bán

cho người không quen biết được 7.000.000 đồng. Q mang tiền về, sau đó cùng Duy A chi tiêu cá nhân hết số tiền này.

Ngày 22/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T khởi tố vụ án hình sự về Tội trộm cắp tài sản. Ngày 22/02/2020 vụ án bị tạm đình chỉ do hết thời hạn điều tra chưa xác định được bị can của vụ án. Ngày 04/7/2024, vụ án được phục hồi điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Bản kết luận định giá tài sản số 45/BB-ĐG ngày 13/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện T kết luận: "Một chiếc xe máy biển kiểm soát 17B6 – 152.43, nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, dung tích 124.8cm^3, màu sơn vàng đen, số máy JF46E2099239, số khung 4617EY63902 đã qua sử dụng trị giá 33.000.000 đồng". Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến gì về kết luận nêu trên.

Cáo trạng số 146/CT-VKSTT ngày 13/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy Q và Tạ Duy A về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trong quyết định truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Q từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Tạ Duy A từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, đề nghị ghi nhận sự thoả thuận của các bị cáo đã bồi thường cho anh Lê Văn N số tiền 33.000.000 đồng (bị cáo Q bồi thường 17.000.000 đồng, bị cáo Duy A bồi thường 16.000.000 đồng); anh N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm gì. Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, sớm trở về với gia đình và trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân

dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Duy Q, Tạ Duy A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Đơn trình báo, lời khai của người bị hại; Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T lập ngày 22/8/2019; Bản kết luận định giá tài sản số 45 ngày 13/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện T; Biên bản ghi lời khai; Biên bản nhận dạng qua bản ảnh của các bị cáo Nguyễn Duy Q và Tạ Duy A; Dữ liệu điện tử: Ngày 22/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T quản lý USB có chứa 08 tệp video được trích xuất từ camera của trường Mầm non xã T và camera trước cửa nhà anh Bùi Đình T1; Kết luận giám định số 5905/C09-P6 ngày 11/11/2019 của V Bộ C cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp, lời khai của các bị hại và người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng hơn 11 giờ 30 phút ngày 22/8/2019, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, các bị cáo Nguyễn Duy Q và Tạ Duy A đã trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, sơn màu vàng - đen, biển kiểm soát 17B6- 152.43 trị giá 33.000.000 đồng của anh Lê Văn N, sinh năm 1976, trú tại thôn T, xã T, huyện T, Thái Bình để tại lán để xe trường Mầm non xã T, sau đó mang ra Hải Phòng bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Duy Q và Tạ Duy A đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

"Điều 173. Tội trộm cắp tài sản – Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

……

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng."

[3] Đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người công dân được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, tạo dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều là người trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, nhận

thức được việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử các bị cáo là đúng quy định pháp luật.

[4] Đây là vụ đồng phạm giản đơn, các bị cáo không bàn bạc, phân công, xúi giục nhau phạm tội, không có người chỉ huy, cầm đầu, tất cả đều là người thực hành, cùng nhau trực tiếp trộm cắp nên cùng phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm, bị cáo Q là người rủ rê, thực hiện hành vi phạm tội tích cực hơn nên giữ vai trò thứ nhất, bị cáo Duy A với vai trò giúp sức nên xếp thứ hai trong vụ án.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Các bị cáo Nguyễn Duy Q, Tạ Duy A được hưởng các tình tiết giảm nhẹ "bồi thường thiệt hại", "thành khẩn khai báo", bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Duy Q không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; bị cáo Tạ Duy A bị áp dụng tình tiết tăng nặng "tái phạm" theo quy định điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng phạm tội và bị xét xử, hiểu được sự trừng phạt răn đe của pháp luật nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện và cải tạo bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nói riêng cũng như răn đe, đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung. Do bị cáo Q xếp vai trò thứ nhất, bị cáo Duy A xếp vai trò thứ hai nhưng bị cáo Duy A còn có tiền án chưa được xoá án tích nên Hội đồng xét xử đánh giá hình phạt với các bị cáo là ngang nhau. Tuy nhiên, các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự nên khi quyết định hình phạt cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật, chính sách nhân đạo của Đảng và nhà nước ta, vừa tạo điều kiện cho các bị cáo yên tâm cải tạo, sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy là phù hợp. Do các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng gì có giá trị do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án: Bị cáo Nguyễn Duy Q đã bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, sơn màu vàng - đen, biển kiểm soát 17B6- 152.43 trộm cắp của anh Lê Văn N cho người không quen biết ở Hải Phòng từ năm 2019 nên Cơ quan điều tra không truy tìm được tài sản và không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho anh Lê Văn N số tiền 33.000.000 đồng (bị cáo Q bồi thường 17.000.000 đồng, bị cáo Anh bồi thường 16.000.000 đồng). Anh N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm

gì khác. Xét thấy sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không trái đạo đức và quy định của pháp luật, vì vậy áp dụng điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thoả thuận nói trên.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định theo quy định của Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy Q và Tạ Duy A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Q 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, không phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Tạ Duy A 01(Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 05/7/2024, không phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận việc các bị cáo Nguyễn Duy Q và Tạ Duy A đã bồi thường xong số tiền 33.000.000 đồng cho anh Lê Văn N, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

4. Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo Nguyễn Duy Q, Tạ Duy A phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Duy Q và Tạ Duy A có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/9/2024. Bị hại vắng mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an huyện Thái Thụy;
- CQ thi hành án HS CA huyện Thái Thuỵ;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình (PC10, PV06);
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đào Thị Xuân Quỳnh